

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Từ ngày 01/10/2017 đến hết ngày 31/12/2017**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

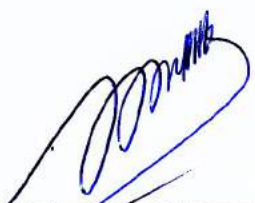
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.377.364.295.672</b>	<b>1.095.412.370.371</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.626.474.222	11.152.904.699
111	1. Tiền		15.626.474.222	11.152.904.699
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		705.418.640.962	672.232.407.293
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	701.705.758.429	559.298.167.131
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	25.717.074.217	123.465.428.449
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	11.104.940.514	22.817.943.911
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.109.132.198)	(33.349.132.198)
140	IV. Hàng tồn kho	10	633.725.801.923	403.748.137.238
141	1. Hàng tồn kho		633.725.801.923	403.748.137.238
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.593.378.565	8.278.921.141
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	237.570.643	1.156.747.606
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.355.807.922	7.122.173.535
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>351.617.313.751</b>	<b>424.915.514.203</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		70.000.000.000	104.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	70.000.000.000	104.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		130.246.465.324	175.214.358.773
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	115.618.285.161	160.237.791.010
222	- Nguyên giá		395.777.815.426	388.948.422.698
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(280.159.530.265)	(228.710.631.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	14.628.180.163	14.976.567.763
228	- Nguyên giá		18.322.489.829	18.322.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.694.309.666)	(3.345.922.066)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		27.488.727.414	33.464.848.723
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	27.488.727.414	33.464.848.723
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		99.052.952.981	100.861.312.722
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		99.052.952.981	100.861.312.722
260	VI. Tài sản dài hạn khác		24.829.168.032	11.374.993.985
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	24.829.168.032	11.374.993.985
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.728.981.609.423</b>	<b>1.520.327.884.574</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.139.874.550.440</b>	<b>936.628.763.055</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.133.564.746.190</b>	<b>906.634.948.505</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	298.653.787.201	340.936.280.225
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		454.639.156	498.882.985
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.804.422.711	6.077.293.793
314	4. Phải trả người lao động		10.233.099.014	9.324.428.351
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.687.627.214	3.724.169.303
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	900.957.038	858.006.186
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	941.820.417	2.320.070.962
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	787.097.657.786	523.785.935.258
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		26.790.735.653	19.109.881.442
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.309.804.250</b>	<b>29.993.814.550</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	2.332.012.250	20.613.910.700
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	3.977.792.000	9.379.903.850
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>589.107.058.983</b>	<b>583.699.121.519</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>589.107.058.983</b>	<b>583.699.121.519</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		33.581.863.310	30.404.972.177
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.737.650.313	1.560.759.181
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		104.868.116.920	105.826.900.530
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		57.378.377.659	43.398.217.856
421b	LNST chưa phân phối năm nay		47.489.739.261	62.428.682.674
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		86.941.741	74.002.932
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.728.981.609.423</b>	<b>1.520.327.884.574</b>



Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 01 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/10/2017	Từ 01/10/2016	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 31/12/2016	đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.388.938.110.008	1.441.685.173.097	6.011.511.812.904	4.579.290.686.047
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	5.750.974.215	8.453.093.473	31.405.807.361	28.385.358.153
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.383.187.135.793	1.433.232.079.624	5.980.106.005.543	4.550.905.327.894
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.317.986.831.141	1.363.340.973.560	5.747.586.684.599	4.301.381.574.111
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.200.304.652	69.891.106.064	232.519.320.944	249.523.753.783
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	1.931.957.189	3.367.554.719	9.942.280.620	13.711.170.567
22	7. Chi phí tài chính	28	12.976.259.652	9.573.977.414	47.486.586.253	33.083.685.910
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		12.971.438.128	9.571.166.558	47.467.898.485	33.076.283.827
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		2.482.940.593	(752.737.664)	7.908.112.438	5.354.386.036
25	9. Chi phí bán hàng	29	22.729.578.101	31.622.327.661	78.361.574.803	102.111.769.321
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	12.958.940.844	9.249.255.230	40.547.655.195	31.292.895.396
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.950.423.837	22.060.362.814	83.973.897.751	102.100.959.759
31	12. Thu nhập khác	31	428.704.789	85.717.179	653.459.242	114.441.650
32	13. Chi phí khác	32	336.196.619	1.294.622.579	1.096.267.025	4.754.718.305
40	14. Lợi nhuận khác		92.508.170	(1.208.905.400)	(442.807.783)	(4.640.276.655)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.042.932.007	20.851.457.414	83.531.089.968	97.460.683.104



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

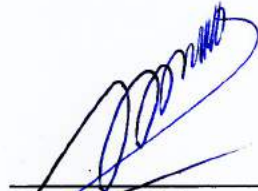
Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/10/2017	Từ 01/10/2016	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 31/12/2016	đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
			VND	VND	VND	VND
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	2.952.427.578	3.607.786.425	12.069.932.763	15.936.357.665
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>18.090.504.429</b>	<b>17.243.670.989</b>	<b>71.461.157.205</b>	<b>81.524.325.439</b>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		18.086.599.944	17.239.336.247	71.445.935.077	81.509.464.990
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		3.904.485	4.334.742	15.222.128	14.860.449
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		481	458	1.900	2.168



Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 01 năm 2018



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		83.531.089.968	97.460.683.104
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		51.797.286.186	63.309.300.643
03	- Các khoản dự phòng		(240.000.000)	(60.000.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.728.152.110)	(15.731.216.054)
06	- Chi phí lãi vay		47.467.898.485	33.076.283.827
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	91.031.102
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		164.828.122.529	178.146.082.622
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(48.603.201.389)	(335.211.778.591)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(229.977.664.694)	(203.204.702.727)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(61.339.178.778)	209.587.934.944
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.908.258.036)	11.616.084.884
14	- Tiền lãi vay đã trả		(47.486.968.418)	(32.957.231.496)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.092.357.666)	(14.439.368.241)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			20.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.732.664.854)	(1.338.232.727)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(243.312.171.306)	(187.781.211.332)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.548.146.728)	(10.200.669.711)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		18.909.091	4.634.469.281
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		34.000.000.000	26.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.616.464.947	
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.224.463.932	13.735.273.758
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		46.311.691.242	34.169.073.328
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	18.014.863.492
33	2. Tiền thu từ đi vay		5.122.407.792.254	3.459.889.195.363
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(4.864.498.181.576)	(3.302.669.091.463)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(56.435.561.091)	(35.972.739.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		201.474.049.587	139.262.227.592

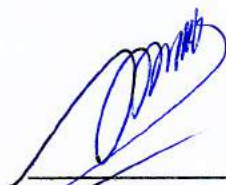


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.473.569.523	(14.349.910.412)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.152.904.699	25.502.815.111
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>15.626.474.222</u>	<u>11.152.904.699</u>



Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 01 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ



## CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m<sup>2</sup> đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m<sup>2</sup> đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m<sup>2</sup> đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m<sup>2</sup> tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nên Công ty đã thực hiện áp dụng mức khấu hao bằng 2 lần mức hao theo đường thẳng đối với toàn bộ tài sản cố định (trừ nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất) để xác định kết quả sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.18 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### 2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	160.190.466	153.110.791
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.466.283.756	10.999.793.908
	<u>15.626.474.222</u>	<u>11.152.904.699</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017				01/01/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
				VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>								
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	99.052.952.981	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	91.265.747.430
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Vĩnh Phúc			-	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.595.565.292
				<b>99.052.952.981</b>				<b>100.861.312.722</b>

Trong năm 2017 Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VGPIPE giải thể Công ty cổ phần đầu tư phát triển Việt Đức theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-VGP ngày 19/12/2017 của Hội đồng quản trị Công ty.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 35.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	25.296.797.039	31.222.004.602
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	162.665.268.195	123.483.056.043
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	249.567.870.666	204.337.959.560
- Công ty Cổ phần thương mại và Vận Tải Việt Đức	42.194.013.699	63.514.915.420
- Công ty cổ phần Du lịch và Khách sạn Vĩnh Phúc	29.836.887.850	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	192.144.920.980	136.740.231.506
	<b>701.705.758.429</b>	<b>559.298.167.131</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>8.529.787.521</b>	<b>2.775.606.572</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn theo đối tượng có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Hiệp Hương	-	-	31.000.000.000	-
- Công ty CP Thương mại Thái Hưng	-	-	62.155.000.000	-
- Công Ty Liên Doanh TNHH Phát Triển Đô Thị Mới An Khánh	11.146.989.000	-		
- Công ty Cổ phần thép Hòa Phát	-	-	21.829.500.000	-
- Công ty CP Xây dựng Quang Minh	7.800.000.000	-		
-Trả trước cho	6.770.085.217	-	8.480.928.449	-
	<b>25.717.074.217</b>	<b>-</b>	<b>123.465.428.449</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	70.000.000.000	104.000.000.000
	<b>70.000.000.000</b>	<b>104.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	602.777.778	-	1.026.111.111	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	168.750	-	-	-
Tạm ứng	6.239.324.488	-	822.329.488	-
Ký cược, ký quỹ	3.363.000.000	-	20.422.200.000	-
Phải thu khác	899.669.498	-	547.303.312	-
	<b>11.104.940.514</b>	<b>-</b>	<b>22.817.943.911</b>	<b>-</b>

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Trường Quang	9.626.128.448	-	9.866.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
	<b>33.109.132.198</b>	<b>-</b>	<b>33.349.132.198</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	42.840.071.950	-	25.534.917.784	-
Nguyên liệu, vật liệu	429.901.602.324	-	237.141.022.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	18.187.261.613	-	8.246.946.439	-
Thành phẩm	142.795.583.635	-	105.985.687.546	-
Hàng hoá	1.282.401	-	26.839.563.189	-
	<b>633.725.801.923</b>	<b>-</b>	<b>403.748.137.238</b>	<b>-</b>

Trong đó: Một số hàng tồn kho luân chuyển được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số 21).

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>27.488.727.414</b>	<b>26.838.109.675</b>
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh <sup>(1)</sup>	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh <sup>(2)</sup>	18.914.181.960	18.250.076.663
- Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	-	13.487.558
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	-	<b>6.626.739.048</b>
- Lắp đặt dây truyền máy móc thiết bị <sup>(3)</sup>	-	6.626.739.048
	<b>27.488.727.414</b>	<b>33.464.848.723</b>

(1) Chi phí đang tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 có chức năng xây dựng công trình công cộng tại Khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 16/HUD-SGDBĐS ngày 29/01/2010. Tuy nhiên theo Công văn phúc đáp mới nhất của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) số 1582/HUD-HUD8 ngày 05/07/2017, hiện tại lô đất CC4 thuộc giai đoạn 2 dự án Khu đô thị mới Vân Canh phải tạm dừng triển khai do ảnh hưởng của đồ án quy hoạch chung Thủ đô và Quy hoạch phân khu đô thị S2, dự án Khu đô thị mới Vân Canh phải điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 từ

(2) - Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND City được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty; Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc và Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án.

- Theo Nghị Quyết HĐQT số 06/2017-NQHĐQT ngày 16/10/2017 của Hội đồng quản trị Công ty đồng ý thanh lý trước thời hạn Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0104/HTKD ký ngày 01 tháng 04 năm 2011 giữa Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VGPIPE và Công ty cổ phần đầu tư phát triển Việt Đức (VGID); hoàn trả lại số tiền Công ty VGID đã góp để thực hiện dự án; Công ty VGPIPE thành lập Ban Quản lý dự án để tiếp tục triển khai các công việc tiếp theo của Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND City.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	129.881.524.772	235.264.719.532	22.203.603.676	1.598.574.718	388.948.422.698
- Mua trong năm	-	-	6.829.392.728	-	6.829.392.728
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>129.881.524.772</b>	<b>235.264.719.532</b>	<b>29.032.996.404</b>	<b>1.598.574.718</b>	<b>395.777.815.426</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	46.390.958.735	167.658.304.923	13.081.840.812	1.579.527.218	228.710.631.688
- Khấu hao trong năm	6.448.307.625	38.753.346.963	6.228.196.489	19.047.500	51.448.898.577
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.839.266.360</b>	<b>206.411.651.886</b>	<b>19.310.037.301</b>	<b>1.598.574.718</b>	<b>280.159.530.265</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	83.490.566.037	67.606.414.609	9.121.762.864	19.047.500	160.237.791.010
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>77.042.258.412</b>	<b>28.853.067.646</b>	<b>9.722.959.103</b>	<b>-</b>	<b>115.618.285.161</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83,543,651,613 đồng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.219.064.829</b>	<b>103.425.000</b>	<b>18.322.489.829</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.242.497.066	103.425.000	3.345.922.066
- Khấu hao trong năm	348.387.600		348.387.600
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.590.884.666</b>	<b>103.425.000</b>	<b>3.694.309.666</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	14.976.567.763	-	14.976.567.763
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>14.628.180.163</b>	<b>-</b>	<b>14.628.180.163</b>

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	524.571.494
Công cụ dụng cụ xuất dùng	237.570.643	632.176.112
	<b>237.570.643</b>	<b>1.156.747.606</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.058.617.761	6.235.082.357
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	7.200.000.000	2.520.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	652.730.737	2.386.103.611
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	10.917.819.534	233.808.017
	<b>24.829.168.032</b>	<b>11.374.993.985</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty CP XNK và TM Tổng Hợp Miền Bắc	44.207.898.933	44.207.898.933	67.809.748.960	67.809.748.960
- Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	44.121.289.782	44.121.289.782	65.372.867.565	65.372.867.565
- Doanh Nghiệp Tự Nhân Nam Châm	68.889.904.337	68.889.904.337	33.446.609.757	33.446.609.757
- Công ty cổ phần Du lịch và khách sạn Vĩnh Phúc	32.121.777.380	32.121.777.380		
- Công ty TNHH Nhất Trí Thành	30.716.532.000	30.716.532.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	78.596.384.769	78.596.384.769	174.307.053.943	174.307.053.943
	<b>298.653.787.201</b>	<b>298.653.787.201</b>	<b>340.936.280.225</b>	<b>340.936.280.225</b>
b) <b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>557.009.355</b>	<b>557.009.355</b>	<b>4.939.587.344</b>	<b>4.939.587.344</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	258.861.256	137.239.905.857	137.498.767.113	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	181.373.767	181.373.767	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.732.357.665	12.069.932.763	13.092.357.665	-	4.709.932.763
Thuế Thu nhập cá nhân	-	86.074.872	3.191.463.608	3.183.048.532	-	94.489.948
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	527.434.880	527.434.880	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
	-	<b>6.077.293.793</b>	<b>153.217.110.875</b>	<b>154.489.981.957</b>	-	<b>4.804.422.711</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	148.607.476	167.677.400
- Chi phí phải trả khác	3.539.019.738	3.556.491.903
	<u><b>3.687.627.214</b></u>	<u><b>3.724.169.303</b></u>

**19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	900.957.038	858.006.186
	<u><b>900.957.038</b></u>	<u><b>858.006.186</b></u>

**20 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	687.748.494	438.329.887
- Bảo hiểm y tế	8.398.000	12.438.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	245.673.923	209.677.823
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	1.659.624.552
	<u><b>941.820.417</b></u>	<u><b>2.320.070.962</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.332.012.250	2.145.910.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	-	18.468.000.000
	<u><b>2.332.012.250</b></u>	<u><b>20.613.910.700</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>515.785.935.258</b>	<b>515.785.935.258</b>	<b>5.122.407.792.254</b>	<b>4.856.498.181.576</b>	<b>781.695.545.936</b>	<b>781.695.545.936</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (1)	295.093.339.286	295.093.339.286	2.939.321.977.870	2.691.011.434.943	543.403.882.213	543.403.882.213
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên (2)	97.839.101.282	97.839.101.282	1.117.632.607.442	1.074.041.206.728	141.430.501.996	141.430.501.996
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	69.853.494.690	69.853.494.690	536.697.286.966	561.600.000.000	44.950.781.656	44.950.781.656
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	53.000.000.000	53.000.000.000	264.600.000.000	313.050.000.000	4.550.000.000	4.550.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	264.155.919.976	216.795.539.905	47.360.380.071	47.360.380.071
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>5.402.111.850</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>5.402.111.850</b>	<b>5.402.111.850</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	8.000.000.000	8.000.000.000	5.402.111.850	8.000.000.000	5.402.111.850	5.402.111.850
	<b>523.785.935.258</b>	<b>523.785.935.258</b>	<b>5.127.809.904.104</b>	<b>4.864.498.181.576</b>	<b>787.097.657.786</b>	<b>787.097.657.786</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	17.379.903.850	17.379.903.850	-	8.000.000.000	9.379.903.850	9.379.903.850
	<b>17.379.903.850</b>	<b>17.379.903.850</b>	<b>-</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>9.379.903.850</b>	<b>9.379.903.850</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	8.000.000.000	5.402.111.850	(5.402.111.850)	(5.402.111.850)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>9.379.903.850</b>	<b>9.379.903.850</b>			<b>3.977.792.000</b>	<b>3.977.792.000</b>



**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017	Mục đích vay
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên</b>			<b>543.403.882.213</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 01/2017/1509578/HĐTD ngày 13/10/2017	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2017 là 6,8%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 01/10/2018, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	251.009.633.600	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
	Hợp đồng tín dụng số 01/2017/1853346/HĐTD ngày 13/10/2017	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2017 là 6,8%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 01/10/2018, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	292.394.248.613	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên</b>			<b>141.430.501.996</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 17.071.0048/2017-HĐCVHM/NHCT262-ONGTHEP ngày 14/07/2017	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2017 là 7,0%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 10/07/2018, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng	75.638.994.775	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
	Hợp đồng tín dụng số 16.071.0050/2016 ngày 27 tháng 12 năm 2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2017 là 7,0%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/11/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng	65.791.507.221	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc</b>			<b>44.950.781.656</b>	
	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 06817022/HĐTD ngày 24/07/2017	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2017 là 7,0%/năm	Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	44.950.781.656	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	79.401.527.855	61.371.550	531.613.941.044
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	81.509.464.990	14.860.449	81.524.325.439
Phân phối lợi nhuận Công ty mẹ	-	-	-	5.256.127.181	-	(13.140.317.952)	-	(7.884.190.771)
Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	-	1.188.092.872	1.188.092.873	(5.940.464.363)	(2.229.067)	(3.566.507.685)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(36.003.310.000)	-	(36.003.310.000)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ <sup>(3)</sup>	-	2.024.664.646	15.990.198.846	-	-	-	-	18.014.863.492
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>69.835.386.699</b>	<b>-</b>	<b>30.404.972.177</b>	<b>1.560.759.181</b>	<b>105.826.900.530</b>	<b>74.002.932</b>	<b>583.699.121.519</b>
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	-	30.404.972.177	1.560.759.181	105.826.900.530	74.002.932	583.699.121.519
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	71.445.935.077	15.222.128	71.461.157.205
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	1.217.009.125	1.217.009.124	(6.205.743.650)	(2.283.319)	(3.774.008.720)
Chia cổ tức năm 2016 <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	(56.399.565.000)	-	(56.399.565.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2017 <sup>(2)</sup>	-	-	-	1.959.882.008	1.959.882.008	(9.799.410.037)	-	(5.879.646.021)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>69.835.386.699</b>	<b>-</b>	<b>33.581.863.310</b>	<b>4.737.650.313</b>	<b>104.868.116.920</b>	<b>86.941.741</b>	<b>589.107.058.983</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	7,60%	28.575.000.000	7,60%	28.575.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
Các cổ đông khác	86,12%	323.797.110.000	86,12%	323.797.110.000
	<b>100%</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>375.997.100.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp đầu năm	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp cuối năm	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	56.399.565.000	36.003.310.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	56.399.565.000	36.003.310.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	33.581.863.310	30.404.972.177
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.737.650.313	1.560.759.181
	<b>38.319.513.623</b>	<b>31.965.731.358</b>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.172,67	1.352,51

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.800.029.986.198	1.776.252.184.434
Doanh thu bán thành phẩm	3.200.532.276.177	2.793.944.107.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.949.550.529	9.094.394.293
	<b>6.011.511.812.904</b>	<b>4.579.290.686.047</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	<b>52.379.471.089</b>	<b>10.529.750.328</b>

**25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	27.306.823.551	27.888.135.195
Hàng bán bị trả lại	3.620.301.380	95.156.754
Giảm giá hàng bán	478.682.430	402.066.204
	<b>31.405.807.361</b>	<b>28.385.358.153</b>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.774.961.224.253	1.765.070.425.224
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.962.918.357.008	2.524.512.296.465
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.707.103.338	11.798.852.422
	<b>5.747.586.684.599</b>	<b>4.301.381.574.111</b>

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.780.439.794	13.424.902.647
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	75.794.647	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.690.796	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	65.355.383	286.267.920
	<b>9.942.280.620</b>	<b>13.711.170.567</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	47.467.898.485	33.076.283.827
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.687.768	7.402.083
	<b><u>47.486.586.253</u></b>	<b><u>33.083.685.910</u></b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.418.521.638	1.294.648.726
Chi phí nhân công	13.135.344.901	15.209.737.534
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.330.676.678	2.322.866.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.049.013.597	80.361.098.860
Chi phí khác bằng tiền	3.428.017.989	2.923.417.708
	<b><u>78.361.574.803</u></b>	<b><u>102.111.769.321</u></b>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.946.333.409	1.459.673.237
Chi phí nhân công	20.155.133.010	18.412.663.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.176.974.647	4.591.714.128
Thuế, phí, lệ phí	1.338.681.419	1.525.785.427
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(240.000.000)	(60.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.436.200.513	1.518.254.624
Chi phí khác bằng tiền	2.734.332.197	3.844.804.249
	<b><u>40.547.655.195</u></b>	<b><u>31.292.895.396</u></b>

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	18.909.091	101.950.500
Thu nhập từ tiền phạt, tiền đền bù tổn thất	613.464.900	
Thu nhập khác	21.085.251	12.491.150
	<b><u>653.459.242</u></b>	<b><u>114.441.650</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	3.411.391.837
Khấu hao TSCĐ vượt quy định	1.008.440.004	
Các khoản bị phạt	3.500.000	235.983.183
Chi phí khác	84.327.021	1.107.343.285
	<b><u>1.096.267.025</u></b>	<b><u>4.754.718.305</u></b>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.531.089.968	97.460.683.104
Các khoản điều chỉnh tăng	1.095.940.004	-
- Chi phí không hợp lệ	1.095.940.004	
Thu nhập tính thuế TNDN	84.627.029.972	97.460.683.104
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>15.343.783.507</u></b>	<b><u>17.640.694.249</u></b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	15.343.783.507	17.640.694.249
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(3.273.850.744)	(1.704.336.584)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>12.069.932.763</u></b>	<b><u>15.936.357.665</u></b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	91.031.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	5.732.357.665	4.144.337.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(13.092.357.665)	(14.439.368.241)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b><u>4.709.932.763</u></b>	<b><u>5.732.357.665</u></b>

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		<b>52.379.471.089</b>	<b>10.529.750.328</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	49.041.389.013	7.806.795.517
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	3.338.082.076	2.722.954.811
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>4.797.681.187</b>	<b>4.102.861.099</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	126.600.000	126.660.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	4.671.081.187	3.976.201.099
<b>Lãi cho vay vốn</b>		<b>9.618.444.448</b>	<b>13.295.377.778</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	9.618.444.448	13.295.377.778

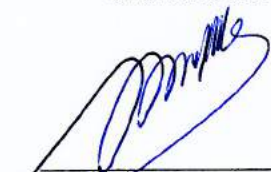
Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>8.529.787.521</b>	<b>2.775.606.572</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	8.529.787.521	2.775.606.572
<b>Cho vay dài hạn</b>		<b>70.000.000.000</b>	<b>104.000.000.000</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	70.000.000.000	104.000.000.000
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		<b>602.777.778</b>	<b>1.026.111.111</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	602.777.778	1.026.111.111
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>557.009.355</b>	<b>4.939.587.344</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt - Đức	Công ty liên kết	557.009.355	4.939.587.344
<b>Phải trả khác</b>		-	<b>18.468.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	-	18.468.000.000

(\*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Thúy**  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Hữu Thế**  
Tổng Giám đốc  
Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 01 năm 2018

